

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T2
TỈNH T3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HS – ST

Ngày: 16 – 9 – 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T2, TỈNH T3

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tấn

2. Ông Nguyễn Quang Học

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3

- Đại diện VKSND huyện T2, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện T2, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2019/TLST – HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T – Sinh ngày: 02/3/1985 tại xã G, huyện T2, tỉnh T3; Nơi cư trú: Thôn L, xã G, huyện T2, tỉnh T3; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Trần Văn T1 (Đã chết) và bà: Trần Thị Nh – Sinh năm: 1962; Có vợ: Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1981; Có 03 con: lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 02/7/2002, Trần Văn T bị Cơ quan ANĐT – Công an tỉnh T3 khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”. Quá trình điều tra và xét xử vụ án, bị can T đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị Cơ quan ANĐT – Công an tỉnh T3 ra quyết định truy nã. Được sự đồng ý của gia đình và chính quyền địa phương, ngày 14/5/2009 đã đến cơ quan Công an đầu thú. Tuy nhiên, do có sự thay đổi về chính sách pháp luật, hành vi của Trần Văn T được xem là không cấu T tội phạm. Đó đó, ngày 15/6/2009 Cơ quan ANĐT – Công an tỉnh T3 đã Đình chỉ vụ án, Đình chỉ điều tra bị can đối với Trần Văn T.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2019 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

Chị Bùi Thị P – Sinh năm : 1984; Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện T2, tỉnh T3

Anh Trần Văn K – Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Thôn L, xã G, huyện T2, tỉnh T3

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h ngày 01/3/2019, do có nhu cầu sử dụng ma túy đá nên Trần Văn T đã đi từ nhà đến khu vực xã M, huyện T2, tỉnh T3 tìm gặp và mua của một người đàn ông tên F ở T phố T3 01 gói ma túy với giá 300.000^d. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu gói ma túy vào trong chiếc giày đang đi ở chân bên phải và đi về khu vực thôn B, xã G, huyện T2, tỉnh T3 tìm nơi để sử dụng. Tại đây, T bị tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về ma túy – Công an huyện T2 phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trong chiếc giày đang đi tại chân bên phải của T 01 túi nilon màu trắng vieecn xanh, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn T tại Thôn L, xã G, huyện T2, tỉnh T3 không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Tiến hành xét nghiệm đối với Trần Văn T xác định dương tính với MET (Methamphetamine: Ma túy đá)

Tại Bản Kết luận giám định số 697/MT-PC09 ngày 02/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T3 kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng thu giữ của Trần Văn T là ma túy, có tổng khối lượng 0,383g loại Methamphetamine.

Đối với người đã bán ma túy cho Trần Văn T, quá trình điều tra không xác định được .

Về vật chứng: Toàn bộ bao gói niêm phong và 0,361g chất màu trắng dạng tinh thể là mẫu vật còn lại sau giám định được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2 để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 80/CTr – VKS – HS ngày 05/8/2019 của VKSND huyện T2, tỉnh T3 đã truy tố Trần Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

**Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn T.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Trần Văn T là từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (01/3/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,361g (*Không thấy ba sáu một gam*) loại Methamphetamine là mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong bởi phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T3 hiện được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2 theo quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, lại không có việc làm ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thống nhất với tội danh mà VKSND huyện T2 truy tố, không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an huyện T2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo Trần Văn T khai nhận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/3/2019, tại khu vực Thôn L, xã G, huyện T2, tỉnh T3, khi bị cáo đang có hành vi tàng trữ trái phép **0,383g (Không phải ba tám ba gam) ma túy, loại: Methamphetamine**; nhằm mục đích để sử dụng thì bị Công An huyện T2 phát hiện và bắt quả tang.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện T2, tỉnh T3 thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, ảnh hưởng sâu sắc đến sức khỏe của bản thân và sự phát triển lành mạnh của giống nòi, cũng như ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hơn thế nữa, ma túy còn là hiểm họa của cộng đồng và là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác. Vì vậy cần được xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Trần Văn T là đối tượng nghiện ma túy, lại là người có nhân thân xấu. Năm 2002 bị cáo đã từng bị khởi tố điều tra về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”. Quá trình điều tra và xét xử vụ án, bị can T đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị Cơ quan ANĐT – Công an tỉnh T3 ra quyết định truy nã. Được sự động viên của gia đình và chính quyền địa phương, ngày 14/5/2009 đã đến cơ quan Công an đầu thú. Tuy nhiên, do có sự thay đổi về chính sách pháp luật, hành vi của Trần Văn T được xem là không cấu T tội phạm. Do đó, ngày 15/6/2009 Cơ quan ANĐT – Công an tỉnh T3 đã Đình chỉ vụ án, Đình chỉ điều tra bị can đối với Trần Văn T. Song, qua đó để thấy rằng, bị cáo có tuổi đời còn trẻ, mặc dù đã một lần va vấp với pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học để cảnh tỉnh, rút kinh nghiệm cho bản thân và phấn đấu học tập, lao động làm một người dân lương thiện mà bị cáo lại lao vào con đường nghiện ngập rồi phạm tội. Biết ma túy là một loại chất cấm nhưng bị cáo vẫn tàng trữ nhằm mục đích sử dụng, như

vậy để thấy rằng bị cáo xem thường pháp luật, cố tình không chịu rèn luyện, cải sửa bản thân.

Vì vậy, nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải và giáo dục bị cáo cũng như răn đe và phòng ngừa chung. Song, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã T khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 0,361g (*Không thấy ba sáu một gam*) loại Methamphetamine là mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong bởi phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T3 hiện được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2 theo quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng.....". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lại là đối tượng nghiện ma túy. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn T.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Trần Văn T 16 (*Mười sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 01/3/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 0,361g (*Không thấy ba sáu một gam*) loại Methamphetamine là mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong bởi phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T3 hiện được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2 theo quy định của pháp luật.

(*Theo phiếu nhập kho số NK2019/69 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T2*).

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo tại phiên tòa. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh T3
- VKSND huyện T2;
- Công an huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Nga